

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học

Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2017;

2. Thông tư số 48/2018/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi một số điều của Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2019;

3. Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2020.

Căn cứ Quyết định số 167 HĐ/CTN ngày 24 tháng 8 năm 1998 của Chủ tịch nước về việc phê chuẩn Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

Căn cứ Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hóa chất,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.¹

¹ Thông tư số 27/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.”

Thông tư số 48/2018/TT-BCT sửa đổi một số điều của Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

Căn cứ Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hóa chất,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi một số điều của Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.”

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn thực hiện và quy định cụ thể:

a) Hướng dẫn thực hiện điều kiện sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (sau đây gọi tắt là hóa chất Bảng) và hóa chất DOC, DOC-PSF;

b) Quy định cụ thể mẫu đơn, mẫu Giấy phép sản xuất, mẫu Giấy phép cấp lại hoặc điều chỉnh; mẫu khai báo sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ; mẫu công văn đề nghị, mẫu Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu; mẫu thông báo, khai báo hóa chất Bảng; mẫu khai báo hóa chất DOC, DOC-PSF; mẫu giấy tờ, tài liệu đáp ứng các điều kiện sản xuất hóa chất Bảng.

2. Các hoạt động quá cảnh, kinh doanh chuyên khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập hóa chất Bảng thực hiện theo quy định của Luật Thương mại, Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, cất giữ, xuất khẩu và nhập khẩu hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm vũ khí hóa học tại Việt Nam.

Điều 3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, cất giữ, xuất khẩu và nhập khẩu hóa chất không vi phạm các quy định tại Điều 8 Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm phát triển, sản xuất, sử dụng, tàng trữ và phá hủy vũ khí hóa học (sau đây gọi tắt là Nghị định số 38/2014/NĐ-CP).

Thông tư số 13/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;”

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.”

2. Tuân thủ và đáp ứng các điều kiện về sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu quy định tại Nghị định số 38/2014/NĐ-CP và chỉ được sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

3. Chỉ được xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2 với các quốc gia thành viên của Công ước Cấm vũ khí hóa học. Danh sách các quốc gia là thành viên của Công ước Cấm vũ khí hóa học được cập nhật tại Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

4. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu khai báo xuất khẩu, nhập khẩu; quản lý và sử dụng hóa chất nhập khẩu theo đúng mục đích và theo các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định tại Thông tư này; chấp hành sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

6. Lưu giữ các thông tin, danh sách khách hàng trong thời hạn ít nhất 5 (năm) năm đối với hóa chất Bảng 1 và ít nhất 2 (hai) năm đối với hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF kể cả khi tổ chức, cá nhân không tiếp tục hoạt động liên quan đến hóa chất. Trường hợp cơ sở hoạt động hóa chất có nhiều chi nhánh thì dữ liệu thông tin hóa chất phải bao gồm tất cả các thông tin có liên quan của các chi nhánh đó.

Chương II

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT HÓA CHẤT BẢNG VÀ HÓA CHẤT DOC, DOC-PSF. GIẤY TỜ, TÀI LIỆU TRONG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP VÀ CÁC BIỂU MẪU

Mục 1

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT HÓA CHẤT BẢNG VÀ HÓA CHẤT DOC, DOC-PSF. GIẤY TỜ, TÀI LIỆU TRONG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

Điều 4.² (được bãi bỏ)

Điều 5. Thẩm quyền cấp Giấy phép

1. Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng, hóa chất DOC, DOC-PSF

a) Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ cho phép sản xuất hóa chất Bảng 1 theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 38/2014/NĐ-CP;

b) Cục Hóa chất là cơ quan thực hiện việc cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF.

² Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 27/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2017.

2. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng

a) Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 38/2014/NĐ-CP;

b) Cục Hóa chất là cơ quan thực hiện việc cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3.

Điều 6. Giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng và hóa chất DOC, DOC-PSF

1.³ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng hoặc hóa chất DOC, DOC-PSF.

3.⁴ *(được bãi bỏ).*

4.⁵ *(được bãi bỏ).*

5.⁶ *(được bãi bỏ).*

6.⁷ *(được bãi bỏ).*

7. Danh sách đội ngũ quản lý, kỹ thuật, điều hành sản xuất.

8.⁸ *(được bãi bỏ).*

³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 13/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2020.

⁴ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 13/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2020.

⁵ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 48/2018/TT-BCT sửa đổi một số điều của Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2019.

⁶ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2, Điều 3 của Thông tư số 13/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2020.

⁷ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2, Điều 3 của Thông tư số 13/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2020.

⁸ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3, Điều 2 của Thông tư số 48/2018/TT-BCT sửa đổi một số điều của Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12

9.⁹ (được bãi bỏ).

Điều 7. Giấy tờ, tài liệu đề nghị cấp lại, điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng và hóa chất DOC, DOC-PSF

1. Giấy tờ, tài liệu đề nghị cấp lại Giấy phép
 - a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép;
 - b) Bản chính Giấy phép đã được cấp bị sai sót hoặc bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy phép bị hư hỏng;
 - c) Trường hợp Giấy phép bị mất hoặc bị thất lạc, tổ chức, cá nhân làm đơn đề nghị theo quy định tại Điểm a Khoản này gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
2. Giấy tờ, tài liệu đề nghị điều chỉnh Giấy phép
 - a) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép;
 - b) Bản chính Giấy phép đã được cấp;
 - c) Giấy tờ, tài liệu chứng minh nội dung điều chỉnh theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 17 Nghị định số 38/2014/NĐ-CP.

Mục 2

BIỂU MẪU XUẤT NHẬP KHẨU, KHAI BÁO HÓA CHẤT BẢNG VÀ KHAI BÁO CƠ SỞ HÓA CHẤT DOC, DOC-PSF

Điều 8. Biểu mẫu xuất nhập khẩu hóa chất Bảng

Biểu mẫu xuất nhập khẩu hóa chất Bảng gồm: Mẫu đơn đề nghị cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng; mẫu Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng; mẫu Chứng nhận người sử dụng cuối cùng; mẫu Thông báo xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1.

Điều 9. Biểu mẫu khai báo sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, cất giữ

1. Biểu mẫu khai báo sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng hóa chất Bảng gồm: Mẫu Khai báo hàng năm sản xuất, tiêu dùng, chế biến hóa chất Bảng; mẫu Khai báo bổ sung, điều chỉnh sản xuất, chế biến, tiêu dùng hóa chất Bảng trong năm tiếp theo; mẫu Khai báo ban đầu sản xuất, tiêu dùng, chế biến

năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2019.

⁹ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3, Điều 2 của Thông tư số 48/2018/TT-BCT sửa đổi một số điều của Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2019.

hóa chất Bảng; mẫu Khai báo kinh doanh, cất giữ, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng.

2. Biểu mẫu khai báo sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF gồm: Mẫu Khai báo hàng năm sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF; mẫu Khai báo ban đầu sản xuất hóa chất DOC; mẫu Khai báo bổ sung, điều chỉnh sản xuất DOC.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Hóa chất có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này. Định kỳ đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, chế biến, tàng trữ, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm vũ khí hóa học trên địa bàn cả nước.

2. Lực lượng Quản lý thị trường có trách nhiệm kiểm tra hóa chất Bảng, hóa chất DOC, DOC-PSF lưu thông trên thị trường và xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quy định chuyển tiếp

1. Các tổ chức, cá nhân đang sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ, xuất khẩu, nhập khẩu các hóa chất Bảng và sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF phải đáp ứng và bổ sung đủ điều kiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 38/2014/NĐ-CP và Thông tư này.

2. Các tổ chức, cá nhân bắt đầu đi vào hoạt động phải thực hiện các quy định về sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng và sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 12. Hiệu lực thi hành¹⁰

¹⁰ Điều 20 của Thông tư số 27/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2017 quy định như sau:

“Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2017.

2. Các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

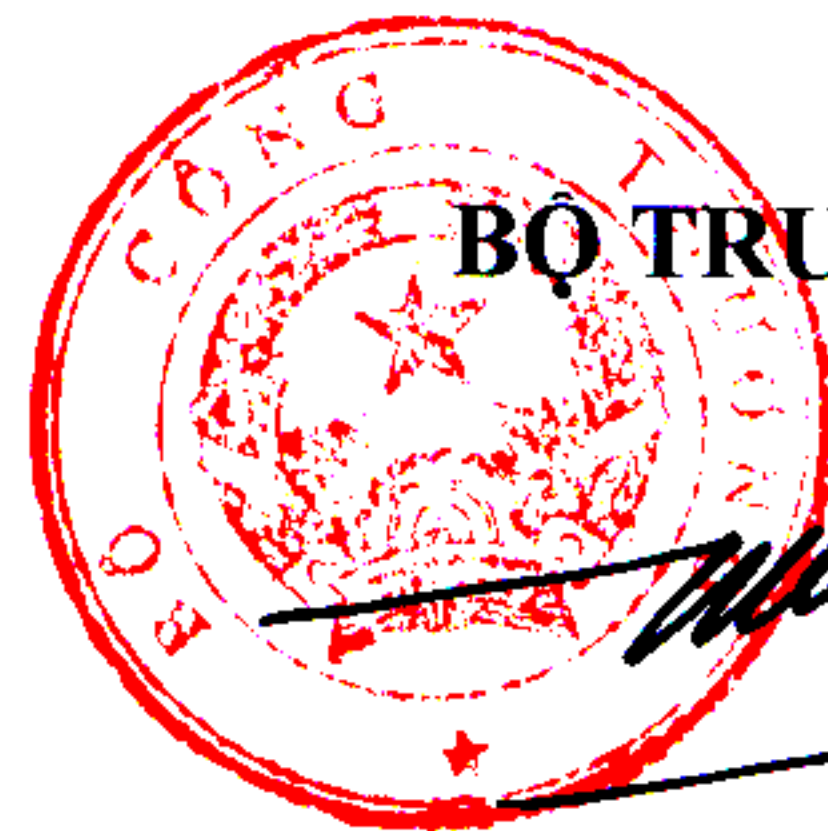
Điều 3 của Thông tư số 48/2018/TT-BCT sửa đổi một số điều của Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2019 quy định như sau:

“Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.
2. Thông tư này thay thế Chương IV. Lập, thẩm định hồ sơ cho phép sản xuất, sử dụng hóa chất cấm trong ngành công nghiệp quy định tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ CÔNG THƯƠNGSố: **62** /VBHN-BCT**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**Hà Nội, ngày **26** tháng **8** năm 2020**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Văn phòng Bộ (để đăng Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương);
- Vụ Pháp chế (để đăng CSDLQG và VBQPPL);
- Lưu: VT, HC.

**BỘ TRƯỞNG****Trần Tuấn Anh**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2019.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương để nghiên cứu giải quyết./.

Điều 10 của Thông tư số 13/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2020 quy định như sau:

“Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2020.
2. Các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

DANH SÁCH
CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC CẤM VŨ KHÍ HÓA HỌC¹¹
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 55 /2014/TT-BCT
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Quốc gia	Ngày ký Công ước	Ngày phê chuẩn Công ước	Ngày Công ước có hiệu lực
1.	Afghanistan	14-01-93	24-09-03	24-10-03
2.	Albania	14-01-93	11-05-94	29-04-97
3.	Algeria	13-01-93	14-08-95	29-04-97
4.	Andorra		27-02-03[a]	29-03-03
5.	Angola		17-09-15	16-10-15
6.	Antigua and Barbuda		29-08-05[a]	28-09-05
7.	Argentina	13-01-93	02-10-95	29-04-97
8.	Armenia	19-03-93	27-01-95	29-04-97
9.	Australia	13-01-93	06-05-94	29-04-97
10.	Austria	13-01-93	17-08-95	29-04-97
11.	Azerbaijan	13-01-93	29-02-00	30-03-00
12.	Bahamas	02-03-94	21-04-09	21-05-09
13.	Bahrain	24-02-93	28-04-97	29-04-97
14.	Bangladesh	14-01-93	25-04-97	29-04-97
15.	Barbados		07-03-07[a]	06-04-07
16.	Belarus	14-01-93	11-07-96	29-04-97
17.	Belgium	13-01-93	27-01-97	29-04-97
18.	Belize		01-12-03[a]	31-12-03
19.	Benin	14-01-93	14-05-98	13-06-98
20.	Bhutan	24-04-97	18-08-05	17-09-05
21.	Bolivia (Plurinational State of)	14-01-93	14-08-98	13-09-98
22.	Bosnia and Herzegovina	16-01-97	25-02-97	29-04-97
23.	Botswana		31-08-98[a]	30-09-98
24.	Brazil	13-01-93	13-03-96	29-04-97
25.	Brunei Darussalam	13-01-93	28-07-97	27-08-97
26.	Bulgaria	13-01-93	10-08-94	29-04-97
27.	Burkina Faso	14-01-93	08-07-97	07-08-97
28.	Burundi	15-01-93	04-09-98	04-10-98
29.	Cambodia	15-01-93	19-07-05	18-08-05
30.	Cameroon	14-01-93	16-09-96	29-04-97
31.	Canada	13-01-93	26-09-95	29-04-97
32.	Cape Verde	15-01-93	10-10-03	09-11-03
33.	Central African Republic	14-01-93	20-09-06	20-10-06
34.	Chad	11-10-94	13-02-04	14-03-04
35.	Chile	14-01-93	12-07-96	29-04-97

¹¹ Các quốc gia Angola, Myanmar và East Timore được bổ sung vào Danh sách này theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 48/2018/TT-BCT sửa đổi một số điều của Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2019.

36.	China	13-01-93	25-04-97	29-04-97
37.	Colombia	13-01-93	05-04-00	05-05-00
38.	Comoros	13-01-93	18-08-06	17-09-06
39.	Congo	15-01-93	04-12-07	03-01-08
40.	Cook Islands	14-01-93	15-07-94	29-04-97
41.	Costa Rica	14-01-93	31-05-96	29-04-97
42.	Côte d'Ivoire	13-01-93	18-12-95	29-04-97
43.	Croatia	13-01-93	23-05-95	29-04-97
44.	Cuba	13-01-93	29-04-97	29-05-97
45.	Cyprus	13-01-93	28-08-98	27-09-98
46.	Czech Republic	14-01-93	06-03-96	29-04-97
47.	Democratic Republic of the Congo	14-01-93	12-10-05	11-11-05
48.	Denmark	14-01-93	13-07-95	29-04-97
49.	Djibouti	28-09-93	25-01-06	24-02-06
50.	Dominica	02-08-93	12-02-01	14-03-01
51.	Dominican Republic	13-01-93	27-03-09	26-04-09
52.	East Timore		07-05-03	06-06-03
53.	Ecuador	14-01-93	06-09-95	29-04-97
54.	El Salvador	14-01-93	30-10-95	29-04-97
55.	Equatorial Guinea	14-01-93	25-04-97	29-04-97
56.	Eritrea		14-02-00[a]	15-03-00
57.	Estonia	14-01-93	26-05-99	25-06-99
58.	Ethiopia	14-01-93	13-05-96	29-04-97
59.	Fiji	14-01-93	20-01-93	29-04-97
60.	Finland	14-01-93	07-02-95	29-04-97
61.	France	13-01-93	02-03-95	29-04-97
62.	Gabon	13-01-93	08-09-00	08-10-00
63.	Gambia	13-01-93	19-05-98	18-06-98
64.	Georgia	14-01-93	27-11-95	29-04-97
65.	Germany	13-01-93	12-08-94	29-04-97
66.	Ghana	14-01-93	09-07-97	08-08-97
67.	Greece	13-01-93	22-12-94	29-04-97
68.	Grenada	09-04-97	03-06-05	03-07-05
69.	Guatemala	14-01-93	12-02-03	14-03-03
70.	Guinea	14-01-93	09-06-97	09-07-97
71.	Guinea- Bissau	14-01-93	20-05-08	19-06-08
72.	Guyana	06-10-93	12-09-97	12-10-97
73.	Haiti	14-01-93	22-02-06	24-03-06
74.	Holy See	14-01-93	12-05-99	11-06-99
75.	Honduras	13-01-93	29-08-05	28-09-05
76.	Hungary	13-01-93	31-10-96	29-04-97
77.	Iceland	13-01-93	28-04-97	29-04-97
78.	India	14-01-93	03-09-96	29-04-97
79.	Indonesia	13-01-93	12-11-98	12-12-98
80.	Iran (Islamic Republic of)	13-01-93	03-11-97	03-12-97
81.	Iraq		13-01-09[a]	12-02-09
82.	Ireland	14-01-93	24-06-96	29-04-97
83.	Italy	13-01-93	08-12-95	29-04-97
84.	Jamaica	18-04-97	08-09-00	08-10-00
85.	Japan	13-01-93	15-09-95	29-04-97

86.	Jordan		29-10-97[a]	28-11-97
87.	Kazakhstan	14-01-93	23-03-00	22-04-00
88.	Kenya	15-01-93	25-04-97	29-04-97
89.	Kiribati		07-09-00[a]	07-10-00
90.	Kuwait	27-01-93	29-05-97	28-06-97
91.	Kyrgyzstan	22-02-93	29-09-03	29-10-03
92.	Lao People's Democratic Republic	13-05-93	25-02-97	29-04-97
93.	Latvia	06-05-93	23-07-96	29-04-97
94.	Lebanon		20-11-08[a]	20-12-08
95.	Lesotho	07-12-94	07-12-94	29-04-97
96.	Liberia	15-01-93	23-02-06	25-03-06
97.	Libya		06-01-04[a]	05-02-04
98.	Liechtenstein	21-07-93	24-11-99	24-12-99
99.	Lithuania	13-01-93	15-04-98	15-05-98
100.	Luxembourg	13-01-93	15-04-97	29-04-97
101.	Madagascar	15-01-93	20-10-04	19-11-04
102.	Malawi	14-01-93	11-06-98	11-07-98
103.	Malaysia	13-01-93	20-04-00	20-05-00
104.	Maldives	04-10-93	31-05-94	29-04-97
105.	Mali	13-01-93	28-04-97	29-04-97
106.	Malta	13-01-93	28-04-97	29-04-97
107.	Marshall Islands	13-01-93	19-05-04	18-06-04
108.	Mauritania	13-01-93	09-02-98	11-03-98
109.	Mauritius	14-01-93	09-02-93	29-04-97
110.	Mexico	13-01-93	29-08-94	29-04-97
111.	Micronesia (Federated States of)	13-01-93	21-06-99	21-07-99
112.	Monaco	13-01-93	01-06-95	29-04-97
113.	Mongolia	14-01-93	17-01-95	29-04-97
114.	Montenegro		23-10-06[d]	03-06-06
115.	Morocco	13-01-93	28-12-95	29-04-97
116.	Mozambique		15-08-00[a]	14-09-00
117.	Myanmar	14-01-93	08-7-15	07-08-15
118.	Namibia	13-01-93	24-11-95	29-04-97
119.	Nauru	13-01-93	12-11-01	12-12-01
120.	Nepal	19-01-93	18-11-97	18-12-97
121.	Netherlands	14-01-93	30-06-95	29-04-97
122.	New Zealand	14-01-93	15-07-96	29-04-97
123.	Nicaragua	09-03-93	05-11-99	05-12-99
124.	Niger	14-01-93	09-04-97	29-04-97
125.	Nigeria	13-01-93	20-05-99	19-06-99
126.	Niue		21-04-05[a]	21-05-05
127.	Norway	13-01-93	07-04-94	29-04-97
128.	Oman	02-02-93	08-02-95	29-04-97
129.	Pakistan	13-01-93	28-10-97	27-11-97
130.	Palau		03-02-03[a]	05-03-03
131.	Panama	16-06-93	07-10-98	06-11-98
132.	Papua New Guinea	14-01-93	17-04-96	29-04-97
133.	Paraguay	14-01-93	01-12-94	29-04-97
134.	Peru	14-01-93	20-07-95	29-04-97
135.	Philippines	13-01-93	11-12-96	29-04-97

136.	Poland	13-01-93	23-08-95	29-04-97
137.	Portugal	13-01-93	10-09-96	29-04-97
138.	Qatar	01-02-93	03-09-97	03-10-97
139.	Republic of Korea	14-01-93	28-04-97	29-04-97
140.	Republic of Moldova	13-01-93	08-07-96	29-04-97
141.	Romania	13-01-93	15-02-95	29-04-97
142.	Russian Federation	13-01-93	05-11-97	05-12-97
143.	Rwanda	17-05-93	31-03-04	30-04-04
144.	Saint Kitts and Nevis	16-03-94	21-05-04	20-06-04
145.	Saint Lucia	29-03-93	09-04-97	29-04-97
146.	Saint Vincent and the Grenadines	20-09-93	18-09-02	18-10-02
147.	Samoa	14-01-93	27-09-02	27-10-02
148.	San Marino	13-01-93	10-12-99	09-01-00
149.	Sao Tome and Principe		09-09-03[A]	09-10-03
150.	Saudi Arabia	20-01-93	09-08-96	29-04-97
151.	Senegal	13-01-93	20-07-98	19-08-98
152.	Serbia		20-04-00[a]	20-05-00
153.	Seychelles	15-01-93	07-04-93	29-04-97
154.	Sierra Leone	15-01-93	30-09-04	30-10-04
155.	Singapore	14-01-93	21-05-97	20-06-97
156.	Slovakia	14-01-93	27-10-95	29-04-97
157.	Slovenia	14-01-93	11-06-97	11-07-97
158.	Solomon Islands		23-09-04[a]	23-10-04
159.	Somalia		29-05-13[a]	28-06-13
160.	South Africa	14-01-93	13-09-95	29-04-97
161.	Spain	13-01-93	03-08-94	29-04-97
162.	Sri Lanka	14-01-93	19-08-94	29-04-97
163.	Sudan		24-05-99[a]	23-06-99
164.	Suriname	28-04-97	28-04-97	29-04-97
165.	Swaziland	23-09-93	20-11-96	29-04-97
166.	Sweden	13-01-93	17-06-93	29-04-97
167.	Switzerland	14-01-93	10-03-95	29-04-97
168.	Syrian Arab Republic		14-09-13[a]	14-10-13
169.	Tajikistan	14-01-93	11-01-95	29-04-97
170.	Thailand	14-01-93	10-12-02	09-01-03
171.	The former Yugoslav Republic of Macedonia		20-06-97[a]	20-07-97
172.	Timor-Leste		07-05-03[a]	06-06-03
173.	Togo	13-01-93	23-04-97	29-04-97
174.	Tonga		29-05-03[a]	28-06-03
175.	Trinidad and Tobago		24-06-97[a]	24-07-97
176.	Tunisia	13-01-93	15-04-97	29-04-97
177.	Turkey	14-01-93	12-05-97	11-06-97
178.	Turkmenistan	12-10-93	29-09-94	29-04-97
179.	Tuvalu		19-01-04[a]	18-02-04
180.	Uganda	14-01-93	30-11-01	30-12-01
181.	Ukraine	13-01-93	16-10-98	15-11-98
182.	United Arab Emirates	02-02-93	28-11-00	28-12-00
183.	United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland	13-01-93	13-05-96	29-04-97

184.	United Republic of Tanzania	25-02-94	25-06-98	25-07-98
185.	United States of America	13-01-93	25-04-97	29-04-97
186.	Uruguay	15-01-93	06-10-94	29-04-97
187.	Uzbekistan	24-11-95	23-07-96	29-04-97
188.	Vanuatu		16-09-05[a]	16-10-05
189.	Venezuela (Bolivarian Republic of)	14-01-93	03-12-97	02-01-98
190.	Viet Nam	13-01-93	30-09-98	30-10-98
191.	Yemen	08-02-93	02-10-00	01-11-00
192.	Zambia	13-01-93	09-02-01	11-03-01
193.	Zimbabwe	13-01-93	25-04-97	29-04-97

- Công suất:
- 4. Sản phẩm phụ (nếu có). Yêu cầu liệt kê từng sản phẩm phụ theo các nội dung dưới đây:
 - Tên gọi theo IUPAC:
 - Tên thương mại hay tên gọi thông thường:
 - Số CAS:
 - Công thức hoá học:
 - Hàm lượng hoặc nồng độ:
 - Công suất:
- 5. Loại cơ sở:
- 6. Các giải pháp xử lý bảo vệ môi trường, vệ sinh lao động và an toàn hóa chất:

Lý do đề nghị cấp phép:²

Doanh nghiệp chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện sản xuất hóa chất Bảng 1, 2, 3¹ hoặc hóa chất DOC, DOC- PSF: theo đúng mục đích và nội dung nêu trong văn bản đề nghị này;
- Tuân thủ các quy định về sản xuất hoá chất Bảng 1, 2, 3¹ hoặc hóa chất DOC, DOC-PSF theo quy định tại Nghị định số 38/2014/NĐCP, văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2014/NĐCP và pháp luật Việt Nam.

Liệt kê hồ sơ gửi kèm:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: . . .

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹Ghi rõ loại hóa chất đề nghị cấp phép, cấp lại hoặc điều chỉnh Giấy phép.

²Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại hoặc điều chỉnh Giấy phép. Trường hợp cấp lại không phải điền các nội dung từ điểm 1 đến điểm 9 của Phụ lục này. Trường hợp điều chỉnh Giấy phép phải điền đủ nội dung điều chỉnh từ điểm 1 đến điểm 9 của Phụ lục này.

Mẫu 2¹³ (được bãi bỏ)

¹³ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 13/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2020.

Mẫu 3**DANH SÁCH ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ, KỸ THUẬT, ĐIỀU HÀNH CỦA
CƠ SỞ SẢN XUẤT HÓA CHẤT BẢNG, HÓA CHẤT ĐOC, DOC-PSF**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 55/2014/TT-BCT
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....

....., ngày... tháng.... năm.....

**DANH SÁCH ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ, KỸ THUẬT, ĐIỀU HÀNH CỦA
CƠ SỞ SẢN XUẤT HÓA CHẤT BẢNG, HÓA CHẤT ĐOC, DOC-PSF¹**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/ Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Sức khỏe	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú:¹Ghi cụ thể tên hóa chất sản xuất

Mẫu 4¹⁴ (được bãi bỏ)

¹⁴ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 48/2018/TT-BCT sửa đổi một số điều của Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2019.

Mẫu 5
GIẤY PHÉP SẢN XUẤT
HÓA CHẤT BẢNG, HÓA CHẤT DOC, DOC-PSF
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 55/2014/TT-BCT
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

BỘ CÔNG THƯƠNG⁶

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BCT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
Sản xuất hóa chất Bảng¹, hóa chất DOC, DOC-PSF

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG²

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Quyết định số 167 HĐ/CTN ngày 24 tháng 8 năm 1998 của Chủ tịch nước về việc phê chuẩn Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

Căn cứ Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước cấm phát triển, sản xuất, sử dụng, tàng trữ và phá hủy vũ khí hóa học; Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP;

Xét đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng hoặc hóa chất DOC, DOC-PSF tại văn bản số: ... ngày ... tháng ... năm của ...³;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hóa chất,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép³

1. Địa chỉ trụ sở chính: Số điện thoại: Fax:
 Email:

2. Địa chỉ đặt cơ sở sản xuất: Số điện thoại: Fax:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

Được sản xuất hóa chất Bảng hoặc hóa chất DOC, DOC-PSF với các nội dung sau:

Thông tin sản phẩm				Công suất
Tên gọi	Mã số CAS	Công thức hoá học	Hàm lượng/nồng độ	

Mục đích sản xuất:

Điều 2. . . .² phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước cấm phát triển, sản xuất, sử dụng, tàng trữ và phá hủy vũ khí hóa học; Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Giấy phép này thay thế Giấy phép số: . . . ngày . . . tháng . . . năm . . .⁴

Nơi nhận:

- Như Điều 1⁵;
- Lưu: VT, HC.

TUQ. BỘ TRƯỞNG⁶
CỤC TRƯỞNG CỤC HOÁ CHẤT
 (Ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

¹Áp dụng đối với cả trường hợp cấp lại hoặc điều chỉnh (ghi rõ điều chỉnh lần...) Giấy phép.

²Áp dụng đối với việc cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1. Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF do Cục Hóa chất cấp sẽ ghi (CỤC TRƯỞNG CỤC HÓA CHẤT).

³Ghi đầy đủ tên doanh nghiệp.

⁴Áp dụng đối với trường hợp cấp lại hoặc điều chỉnh Giấy phép.

⁵Chỉ gửi 01 bản cho DN được cấp phép.

⁶Trường hợp Cục Hóa chất ký Giấy phép thì ghi: CỤC HÓA CHẤT (ở phần tiêu đề) và CỤC TRƯỞNG (phần ký tên và đóng dấu)

Mẫu 6
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU HÓA CHẤT BẢNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 55/2014/TT-BCT
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất)

Tên doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

Nơi đặt trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị Bộ Công Thương cấp Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu hoá chất Bảng¹ theo các nội dung sau:

1. Tên hoá chất theo IUPAC:
2. Tên thương mại hay tên gọi thông thường:
3. Số CAS:
4. Mã số HS:
5. Công thức hoá học:
6. Hàm lượng hoặc nồng độ:
7. Đơn vị tính: Kg Tấn
8. Số lượng nhập khẩu (xuất khẩu):
9. Mục đích nhập khẩu (nếu có kinh doanh phân phối ghi rõ tên, địa chỉ và mục đích sử dụng của đơn vị nhận sản phẩm) hoặc xuất khẩu:
10. Tên và địa chỉ nhà xuất khẩu (nhập khẩu):
11. Tên cửa khẩu hàng nhập khẩu (xuất khẩu) sẽ đi qua:
12. Thời gian thực hiện nhập khẩu (xuất khẩu):

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm quản lý sử dụng hoá chất theo đúng mục đích nhập khẩu (xuất khẩu), thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy

định về xuất khẩu (nhập khẩu) hoá chất Bảng tại Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá huỷ vũ khí hoá học; Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

Hồ sơ gửi kèm:

- Bản sao hợp lệ các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với lần cấp phép đầu tiên và sau mỗi lần điều chỉnh, sửa đổi các Giấy chứng nhận này;

- Hợp đồng hoặc thoả thuận mua bán hóa chất Bảng.

- Giấy chứng nhận người sử dụng cuối cùng²

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: . . .

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹Ghi cụ thể tên hóa chất Bảng nhập khẩu hoặc xuất khẩu (hóa chất Bảng 1 hoặc hóa chất Bảng 2 hoặc hóa chất Bảng 3).

²Trường hợp xuất khẩu hóa chất Bảng 3 cho quốc gia không là thành viên Công ước

Mẫu 7

GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU HÓA CHẤT BẢNG
*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 55/2014/TT-BCT
 ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

BỘ CÔNG THƯƠNG⁶

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BCT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP**Xuất khẩu/nhập khẩu hóa chất Bảng¹****BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG²**

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Quyết định số 167 HĐ/CTN ngày 24 tháng 8 năm 1998 của Chủ tịch nước về việc phê chuẩn Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

Căn cứ Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước cấm phát triển, sản xuất, sử dụng, tàng trữ và phá hủy vũ khí hóa học; Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP;

Xét đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu hóa chất Bảng¹ tại văn bản số: ... ngày ... tháng ... năm của ...³;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hóa chất,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho phép³

1. Địa chỉ trụ sở chính:

2. Số điện thoại: Fax: Email:

3. Địa chỉ đặt cơ sở sản xuất:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

Được xuất khẩu/nhập khẩu hóa chất Bảng¹ với các nội dung sau:

- Tên hoá chất theo IUPAC:
- Tên thương mại hay tên gọi thông thường:
- Số CAS:
- Mã số HS:
- Công thức hoá học:
- Hàm lượng hoặc nồng độ:
- Đơn vị tính: Kg Tấn
- Số lượng nhập khẩu (xuất khẩu):
- Nước nhập khẩu (xuất khẩu):
- Cửa khẩu xuất/cửa khẩu nhập:
- Thời gian thực hiện nhập khẩu (xuất khẩu):

Điều 2. Công ty . . .³ phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước cấm phát triển, sản xuất, sử dụng, tàng trữ và phá hủy vũ khí hóa học; Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày . . . tháng . . . năm . . .⁴

Nơi nhận:

- Như Điều 1⁵;
- Lưu: VT, HC.

TUQ. BỘ TRƯỞNG⁶
CỤC TRƯỞNG CỤC HOÁ CHẤT
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

¹Ghi cụ thể tên hóa chất xuất khẩu/nhập khẩu (hóa chất Bảng 1 hoặc hóa chất Bảng 2 hoặc hóa chất Bảng 3)

²Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu hóa chất Bảng 2, 3 do Cục Hóa chất cấp sẽ ghi (CỤC TRƯỞNG CỤC HOÁ CHẤT).

³Ghi đầy đủ tên doanh nghiệp.

⁴Ghi thời gian cấp tối đa 12 tháng (theo Khoản 6 Điều 19 Nghị định 38/2014/NĐ-CP)

⁵Chỉ gửi 01 bản cho DN được cấp phép.

⁶Trường hợp Cục Hóa chất ký Giấy phép thì ghi: CỤC HOÁ CHẤT (ở phần tiêu đề) và CỤC TRƯỞNG (phần ký tên và đóng dấu)

Mẫu 8
CHỨNG NHẬN NGƯỜI SỬ DỤNG CUỐI CÙNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 55/2014/TT-BCT
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CHỨNG NHẬN NGƯỜI SỬ DỤNG CUỐI CÙNG

Nước xuất khẩu:

Người xuất khẩu:

A. HOÁ CHẤT CHUYỂN GIAO					
Loại:	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 30%;">Tên IUPAC</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Số CAS</td> <td></td> </tr> </table>	Tên IUPAC		Số CAS	
Tên IUPAC					
Số CAS					
Tổng khối lượng:					
B. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG CUỐI CÙNG					
1.					
2.					
3.					
C. NGƯỜI SỬ DỤNG CUỐI CÙNG					
<p>Tôi (Chúng tôi) xác nhận là những người sử dụng cuối cùng hoá chất nêu tại phần A. Tôi (chúng tôi) sẽ không xuất khẩu, bán lại hoặc bỏ lại bên ngoài lãnh thổ quốc gia của những người sử dụng nêu dưới đây cho bất kỳ ai, thể nhân hay tự nhiên nhân. Chúng tôi cam đoan những nội dung kê khai trong Chứng nhận này là sự thật và không chịu trách nhiệm về những nội dung không có trong Chứng nhận này.</p>					
Tên:	Khối lượng (kg):				
Chức vụ:					
Doanh nghiệp:					
Địa chỉ:					
Chữ ký:	Ngày:				
Tên:	Khối lượng (kg):				
Chức vụ:					
Doanh nghiệp:					
Địa chỉ:					
Chữ ký:	Ngày:				
Tên:	Khối lượng (kg):				
Chức vụ:					
Doanh nghiệp:					
Địa chỉ:					
Chữ ký:	Ngày:				

D. CHỨNG NHẬN CỦA QUỐC GIA TIẾP NHẬN

Chúng nhận rằng hóa chất đã tiếp nhận nêu trên sẽ chỉ được sử dụng cho những mục đích không bị cấm theo Công ước cấm Phát triển, Sản xuất, Tàng trữ, Sử dụng và Phá huỷ vũ khí hoá học và sẽ không được tái chuyển giao.

Tên:

Chức vụ:

Cơ quan:

Địa chỉ:

Chữ ký:

Ngày:

Lưu ý:

- Áp dụng với quốc gia không là thành viên Công ước
- Chứng nhận này nộp kèm trong hồ sơ xin giấy phép xuất khẩu

Mẫu 9**THÔNG BÁO XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU HÓA CHẤT BẢNG 1**

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 55/2014/TT-BCT
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày... tháng.... năm.....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất)

1. Tên doanh nghiệp:
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
3. Nơi đặt trụ sở chính:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Giấy phép nhập khẩu (xuất khẩu) số: ... ngày ... tháng ... năm ...
6. Hoá chất: Đơn vị: ... gam kg tấn
7. Thời gian dự kiến: ... ngày ... tháng ... năm ...

Tên IUPAC:	
Tên thương mại hay tên gọi thông thường khác:	
Số CAS:	
Công thức hoá học:	
Mã số HS:	
A. NHẬP KHẨU	
Tên nước:	
Tên nhà xuất khẩu:	
Địa chỉ:	
Điện thoại, Fax, Email:	
Ngày nhập khẩu (dự kiến):	
Số lượng:	
Nồng độ hoặc hàm lượng:	
Mục đích nhập khẩu:	
B. XUẤT KHẨU	
Tên nước:	
Tên người nhận:	
Địa chỉ:	

Điện thoại, Fax, Email:	
Ngày xuất khẩu (dự kiến):	
Số lượng:	
Nồng độ hoặc hàm lượng:	
Mục đích của người nhận:	

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: . . .

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Khai báo cho từng hoá chất Bảng
- Thời hạn nộp: 45 ngày trước khi tiến hành xuất khẩu (nhập khẩu).

Mẫu 10
KHAI BÁO HÓA CHẤT BẢNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 55/2014/TT-BCT
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mẫu 10.1. Khai báo sản xuất, chế biến, tiêu dùng hóa chất Bảng 1

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày... tháng.... năm.....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất)

1. Tên doanh nghiệp:
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
3. Nơi đặt trụ sở chính:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Địa điểm nơi đặt cơ sở phải khai báo:
6. Mục đích hoạt động của cơ sở:
7. Loại cơ sở¹: Cơ sở quy mô đơn lẻ Cơ sở khác
8. Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng số: ... ngày ... tháng ... năm ...
9. Hoá chất: ... Đơn vị: ... gam, kg, tấn

Tên gọi theo IUPAC:	
Tên thương mại hay tên gọi thông thường:	
Số CAS:	
Công thức hoá học:	
Hàm lượng hoặc nồng độ:	
Mã số HS:	
Loại hình hoạt động tại cơ sở:	<input type="checkbox"/> Sản xuất <input type="checkbox"/> Kinh doanh <input type="checkbox"/> Chế biến <input type="checkbox"/> Tiêu dùng <input type="checkbox"/> Tàng trữ
Tổng công suất:	
Số lượng dây chuyền thiết bị phản ứng:	
Dung tích của từng thiết bị phản ứng:	Thiết bị phản ứng 1: Thiết bị phản ứng 2:

Phương pháp sản xuất (liên tục, gián đoạn):	
Mục đích sản xuất:	
Các dẫn xuất hoá chất Bảng 1, 2 và 3 được sử dụng để sản xuất các hoá chất Bảng 1 (yêu cầu kê khai từng hóa chất cụ thể)	
Tên gọi theo IUPAC:	
Tên thương mại hay tên gọi thông thường:	
Số CAS:	
Công thức hóa học:	
Hàm lượng hoặc nồng độ:	
Số lượng sử dụng dự kiến:	

10. Mô tả về dây chuyền thiết bị và quy trình công nghệ áp dụng:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: . . .

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

¹Khái niệm về cơ sở quy mô đơn lẻ và cơ sở khác được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.

- Khai báo cho từng hoá chất.
- Thời hạn nộp khai báo ban đầu (bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi): chậm nhất 210 ngày trước khi cơ sở đi vào vận hành (bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi).
- Thời hạn nộp khai báo hoạt động dự kiến của năm tiếp theo: Trước ngày 31 tháng 8 hàng năm.
- Thời hạn nộp khai báo hoạt động có trong năm: Trước ngày 28 tháng 2 của năm tiếp theo.

Hồ sơ kèm theo:

1. Bản sao hợp lệ các Quyết định, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Giấy giấy phép sản xuất Hoá chất Bảng 1 số...ngày...tháng ...năm của Bộ Công Thương.
3. Các phụ lục liên quan đến nội dung (số TT 10)

Mẫu 10.2. Khai báo sản xuất, chế biến, tiêu dùng hóa chất Bảng 2(3)

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày... tháng.... năm.....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất)

1. Tên doanh nghiệp:
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
3. Nơi đặt trụ sở chính:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Địa điểm nơi đặt cơ sở phải khai báo:
6. Mục đích hoạt động của cơ sở:
7. Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng số: ... ngày ... tháng ... năm ...
8. Hoá chất: ... Đơn vị: ... gam, kg, tấn

Tên gọi theo IUPAC:	
Tên thương mại hay tên gọi thông thường:	
Số CAS:	
Công thức hoá học:	
Nồng độ hoặc hàm lượng:	
Tổng công suất:	
Tổng số dây chuyền sản xuất:	
Trong đó:	
- Công suất dây chuyền 1:	
- Công suất dây chuyền 2:	
-	

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Khai báo cho từng hoá chất;
- Thời hạn nộp khai báo ban đầu: chậm nhất 60 ngày đối với hóa chất Bảng 2, chậm nhất 30 ngày đối với hóa chất Bảng 3 trước khi cơ sở đi vào vận hành.
- Thời hạn nộp khai báo bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi: chậm nhất 30 ngày đối trước khi cơ sở thực hiện bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi.
- Thời hạn nộp khai báo hoạt động dự kiến của năm tiếp theo: Trước ngày 30/9 hàng năm.
- Thời hạn nộp khai báo hoạt động có trong năm: Trước ngày 28 tháng 2 của năm tiếp theo.

Mẫu 11
KHAI BÁO KINH DOANH, CÁT GIỮ,
XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÓA CHẤT BẢNG* TRONG NĂM TRƯỚC
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 55/2014/TT-BCT
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày... tháng.... năm.....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất)

1. Tên doanh nghiệp:
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
3. Nơi đặt trụ sở chính:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Địa điểm nơi đặt cơ sở phải khai báo (nếu có):
6. Mục đích xuất khẩu (nhập khẩu, kinh doanh):
7. Hoá chất (Lượng tồn năm trước): ... Đơn vị: ... gam, kg, tấn

Tên IUPAC:	
Tên thương mại hay tên gọi thông thường khác:	
Số CAS:	
Công thức hoá học:	
Mã số HS:	

8. Xuất khẩu, nhập khẩu:

Khối lượng	Tên quốc gia xuất khẩu (Giấy phép số: ...)	Tên quốc gia nhập khẩu (Giấy phép số: ...)

9. Kinh doanh trong nước:

Khối lượng	Tên, địa chỉ công ty bán	Tên địa chỉ công ty mua

--	--	--

10. Lượng tồn kho: Tính đến 31 tháng 12 năm khai báo.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: . . .

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- *Khai báo cho từng hoá chất Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3.

- Thời hạn nộp: Trước ngày 28 tháng 02 hàng năm

Phụ lục 12
KHAI BÁO SẢN XUẤT HÓA HÀNG NĂM CHẤT DOC, DOC PSF
(BAN ĐẦU, BỔ SUNG ĐIỀU CHỈNH)*

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 55/2014/TT-BCT
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày... tháng.... năm.....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất)

1. Tên doanh nghiệp:
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
3. Nơi đặt trụ sở chính:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Địa điểm nơi đặt cơ sở phải khai báo:
6. Mục đích sản xuất (xuất khẩu (nhập khẩu, kinh doanh):
7. Hoá chất: ... Đơn vị: ... gam , kg , tấn

Đối với những địa điểm nhà máy sản xuất trên 200 tấn hóa chất hữu cơ riêng biệt (DOC)	
Số lượng dây chuyền sản xuất hoá chất DOC:	
Tên gọi theo IUPAC:	
Tên thương mại hay tên gọi thông thường:	
Số CAS:	
Công thức hoá học:	
Công suất sản xuất:	
Nồng độ hoặc hàm lượng:	
Thời gian dự kiến bắt đầu sản xuất:	
Đối với những địa điểm nhà máy sản xuất trên 30 tấn hoá chất hữu cơ riêng biệt chứa phot pho, lưu huỳnh và flo (DOC-PSF)	
Số lượng dây chuyền sản xuất hoá chất DOC-PSF:	
Tên gọi theo IUPAC:	
Tên thương mại hay tên gọi thông thường:	
Số CAS:	
Công thức hoá học:	

Công suất sản xuất: Nồng độ hoặc hàm lượng: Thời gian dự kiến bắt đầu sản xuất:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: . . .

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Khai báo cho từng hóa chất ;
- Thời hạn nộp khai báo hàng năm: Trước ngày 28 tháng 01 .
- Thời hạn nộp khai báo ban đầu: Chậm nhất là 30 ngày trước khi cơ sở đi vào hoạt động.
- Thời hạn nộp khai báo bổ sung, điều chỉnh, thay đổi: Chậm nhất là 30 ngày trước khi thực hiện bổ sung, điều chỉnh, thay đổi sản xuất